

VĂN XUÔI NGHỆ THUẬT NGUYỄN HỒNG VÀ CỘI NGUỒN CỦA LÒNG THƯƠNG CẢM

BẠCH VĂN HỢP*

TÓM TẮT

Sáng tác của Nguyễn Hồng luôn chứa chan lòng thương cảm trước những số phận, những cảnh đời bất hạnh, làm than. Lòng thương ấy đã trở thành một nguồn cảm hứng bao trùm văn xuôi nghệ thuật của ông, từ những sáng tác đầu tiên đến những sáng tác cuối cùng. Cảm hứng thương cảm trong văn xuôi nghệ thuật Nguyễn Hồng có cội nguồn từ hoàn cảnh gia đình, môi trường và những kinh nghiệm sống mà ông trải qua; tư tưởng bác ái của Thiên Chúa giáo mà ông thụ hưởng; tư tưởng nhân đạo Cộng sản chủ nghĩa mà ông trân trọng; cá tính nghệ sĩ mà ông nuôi dưỡng, giữ gìn.

Từ khóa: Nguyễn Hồng, văn học Việt Nam hiện đại, cảm hứng thương cảm trong văn xuôi nghệ thuật.

ABSTRACT

Nguyen Hong's artistic prose and the root of compassion

Nguyen Hong's writings are always exuberated by his compassion for unfortunate and miserable lives. It was that compassion inspiring him to write from his early to last pieces of work. That inspiration of compassion in Nguyen Hong's artistic prose rooted in his family background, environment, and real-life experience that he went through; the Christian idea of fraternity that he received; the Communist idea of humanity that he admired; the artistic temperament that he nurtured and treasured.

Keywords: Nguyen Hong, contemporary Vietnam literature, compassion in artistic prose.

1. **Cảm hứng và cảm hứng thương cảm trong văn học**

Theo Bi-ê-lin-xki, cảm hứng là “trạng thái phấn hưng cao độ của nhà văn do việc chiếm lĩnh được bản chất của cuộc sống mà họ miêu tả”, là “sự thiết tha và nhiệt tình nồng cháy gợi nên bởi một tư tưởng nào đó” và “cảm hứng biến sự nhận thức của trí tuệ về một tư tưởng nào đó trở thành lòng say mê đối với tư tưởng đó, trở thành năng lượng và thành khát vọng nồng nhiệt”. [4, tr.208-209]

Đối chiếu quan niệm của Bi-ê-lin-xki với quan niệm của một số tác giả khác¹, có thể xác định nội hàm của khái niệm cảm hứng như sau:

- Cảm hứng là thái độ tình cảm nồng nhiệt, say đắm của nhà văn khi thể hiện tư tưởng của mình trong tác phẩm chứ không phải là bản thân tư tưởng xét trên bình diện triết học, xã hội học, cũng như không phải là cái hứng, cảm xúc bột phát của nhà văn khi bắt tay cầm bút.

- Cảm hứng là một yếu tố của bản thân nội dung tác phẩm. Nó thống nhất

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

và gắn bó với tất cả các yếu tố thuộc về nội dung tác phẩm như đề tài, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Lịch sử văn học nhân loại, qua tổng kết, phân loại của G.N.Pô-xpê-lốp, chung quy có bảy loại cảm hứng chính: *cảm hứng anh hùng, cảm hứng bi kịch, cảm hứng kịch tính, cảm hứng châm biếm, cảm hứng hài hước, cảm hứng thương cảm, cảm hứng lãng mạn*. [2, tr.141]

Vậy bao trùm văn xuôi nghệ thuật của Nguyễn Hồng là cảm hứng gì?

2. Lòng thương cảm hay cảm hứng thương cảm – cảm hứng chủ đạo trong văn xuôi nghệ thuật Nguyễn Hồng

Ở những mức độ và hình thức khác nhau, đã có các ý kiến bàn về cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Hồng. Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng *“nếu cần nói thật khái quát một cái gì chung nhất cho mọi chủ đề tác phẩm của Nguyễn Hồng, thì đó là lòng nhân đạo, một chủ nghĩa nhân đạo bao giờ cũng thống thiết, mãnh liệt”* [10, tr.221]. Phan Cự Đệ cũng nêu một nhận định tương tự, tuy có phần dè dặt hơn: *“cảm hứng của nhà văn dường như bắt nguồn từ một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc đối với những lớp người cùng khổ”* [1, tr.22]. Phan Diễm Phương nói đến cảm hứng cần lao trong sáng tác của Nguyễn Hồng và đồng nhất với cảm hứng nhân đạo: *“Cảm hứng cần lao và tranh đấu của Nguyễn Hồng cũng chính là cảm hứng nhân đạo nơi ông”* [13, tr.227]. Có lẽ nên xem chủ nghĩa nhân đạo thuộc phạm trù giá trị tư tưởng nghệ thuật hơn là thuộc phạm trù cảm hứng nghệ thuật.

Từ quan niệm về cảm hứng và cảm

hứng chủ đạo đã trình bày, trên cơ sở khảo sát những tác phẩm của Nguyễn Hồng, chúng tôi cho rằng cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Hồng là lòng thương cảm. Đó là *“sự xúc động của tâm hồn được gây nên bởi ý thức về những phẩm giá đạo đức trong tình cách những con người bị hạ thấp về mặt xã hội hoặc có liên quan với tầng lớp đặc quyền, đặc lợi thiếu đạo đức”* [2, tr.183-184]. Nội dung cảm hứng thương cảm của Nguyễn Hồng là tấm lòng yêu thương hướng về những kiếp người cùng khổ, dưới đáy của xã hội và niềm tin vững chãi vào thiện căn bền vững của con người, trước hết là những người lao động. Cảm hứng này không chỉ bộc lộ trong những sáng tác của Nguyễn Hồng mà còn thể hiện sâu xa trong ý thức nghệ thuật của nhà văn như ông đã có lần bộc bạch trong hồi ký của mình như một tuyên ngôn nghiêm trang: *“Tôi sẽ viết về những cảnh đói khổ, về những sự áp bức, về những nỗi trái ngược bất công. Tôi sẽ đứng về những con người làm than bị dày dạn, bị lãng nhục. Tôi sẽ vạch trần ra những vết thương xã hội, những việc làm bạo ngược, lộng hành của xã hội thời bấy giờ. Tôi sẽ gánh chịu lấy mọi trách nhiệm, chống đối cũng như bào chữa, bảo vệ. Tôi sẽ chỉ có tiến bước, chỉ có đi thẳng. Tôi sẽ chỉ biết có ánh sáng và chính tôi là ánh sáng”* [6, tr.28]. Đọc toàn bộ sáng tác của Nguyễn Hồng, dễ dàng nhận thấy ông hầu như đã dành trọn đời văn của mình để thực hiện tuyên ngôn nghệ thuật ấy. Hơn thế, ngòi bút Nguyễn Hồng tỏ ra sở trường khi viết về những cảnh đói khổ, những sự áp bức, về

những nỗi trái ngược bất công trong xã hội.

Thật ra, nỗi thống khổ của loài người vốn là đề tài vô tận của văn chương nghệ thuật. Dường như những nhà văn lớn đều là những nghệ sĩ có trái tim giàu yêu thương biết cảm thông, chia sẻ và rung động trước nỗi đau của con người, bởi lẽ *“Lòng yêu thương, ưu ái đối với con người và thân phận của nó từ trước đến nay vẫn là sự quan tâm hàng đầu của các nhà văn, nhà nghệ sĩ trong cảm hứng sáng tạo nghệ thuật”* [3, tr.61]. Nguyễn Du *“đau đớn lòng”* trước *“những điều trông thấy”* nên đã viết được kiệt tác **Truyện Kiều** và **Văn chiêu hồn** làm lay động lòng người. **Chinh phụ ngâm**, **Cung oán ngâm** là gì, nếu không phải là những khúc ngâm ai oán bày tỏ lòng thương cảm của người cầm bút đối với thân phận của những người phụ nữ đau khổ dưới chế độ phong kiến suy tàn ở nước ta? Nguyên Hồng đã tiếp nối dòng văn chương thương cảm đó để nói thật thống thiết những nỗi đau khổ của con người và góp phần làm giàu có thêm truyền thống nhân đạo của văn học dân tộc. Ông coi đó là **sức sống ngòi bút** của mình và tâm niệm suốt một đời cầm bút: *“những cái tôi viết đều cố gắng hết sức bắt nguồn vào những cảnh sống của con người, hướng về con người. Những cảnh sống và những con người lao khổ”* [5, tr.14]. Tuy nhiên, cần thấy nội dung cảm hứng thương cảm của Nguyên Hồng có sự chuyển biến về chất gắn liền với quá trình trưởng thành về tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn từ khi giác ngộ và tham gia cách mạng. Buổi đầu cầm bút,

Nguyên Hồng viết văn vì một động cơ hết sức hồn nhiên, xuất phát từ nhu cầu thôi thúc bên trong là nói lên nỗi thống khổ khôn cùng của con người và thể hiện một khát vọng cũng rất hồn nhiên về một tương lai tốt đẹp cho con người. Tình thương cũng như niềm tin của nhà văn được xác lập trên cơ sở triết lý dân gian thông qua những trải nghiệm của bản thân trong thế giới những người cùng khổ. Khi đón nhận được ánh sáng của lý tưởng Cộng sản, tình thương và niềm tin ấy đã được bồi đắp và nâng cao hơn dưới ánh sáng quan điểm giai cấp và nhận thức khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về xu thế phát triển lịch sử của xã hội loài người, cũng như vai trò của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản. Sự biến chuyển trong nội dung cảm hứng của Nguyên Hồng có thể khái quát từ tình thương mang tính truyền thống đến tinh thần nhân đạo cách mạng. Như vậy, nội dung cảm hứng thương cảm của Nguyên Hồng có sự bồi đắp, nâng cao cùng với sự thay đổi thế giới quan của nhà văn. Song, tính chất thống thiết, mãnh liệt của cảm hứng thì hầu như không thay đổi.

3. Cội nguồn của lòng thương cảm trong văn xuôi nghệ thuật Nguyên Hồng

Cảm hứng thương cảm của Nguyên Hồng có thể bắt nguồn từ nhiều nhân tố, chủ quan lẫn khách quan. Theo tìm hiểu của chúng tôi, có thể nói đến một số nhân tố chủ yếu sau đây: *hoàn cảnh gia đình và môi trường sống của nhà văn, tư tưởng bác ái của Thiên Chúa giáo mà*

ông chịu ảnh hưởng, tư tưởng nhân đạo Cộng sản chủ nghĩa, cá tính nghệ sĩ của chính Nguyễn Hồng.

3.1. Hoàn cảnh gia đình và môi trường sống của nhà văn

Nghiên cứu tiểu sử Nguyễn Hồng, thấy có hai đặc điểm nổi bật: thiếu tình thương và phải tự lập kiếm sống từ nhỏ. Cha ông làm cai đề lao, sau thất nghiệp, cảnh nhà sa sút, lại nghiện ngập và mắc bệnh lao, phải sống nghèo túng trong tâm trạng kẻ bất đắc chí. Mẹ ông là người đàn bà ngoan đạo, tần tảo, hiền hậu, giàu đức hy sinh nhưng sống không có hạnh phúc trong gia đình nhà chồng².

Mới lên bảy, tám tuổi, Nguyễn Hồng đã cảm nhận được một cách hồn nhiên và nhớ rất kỹ trong ký ức tuổi thơ của mình rằng “*thầy mẹ tôi lấy nhau không phải vì thương yêu nhau*” và bản thân mình là kết quả của cuộc hôn nhân gượng gạo ấy.

Năm 12 tuổi, Nguyễn Hồng mồ côi cha. Mẹ ông lén lút đi bước nữa, bà bị gia đình nhà chồng ruồng bỏ, hắt hủi, không được tự do gần gũi, chăm sóc con. Nguyễn Hồng phải sống nhờ bà cô và chịu sự rẻ rúng, khinh miệt của bà. Tuổi thơ Nguyễn Hồng đã trải qua những ngày tháng nhiều cay đắng và tủi cực vì đói ăn, thiếu mặc, thiếu cả tình thương. Ông đã phải đi đánh đáo kiếm tiền ăn học và chung đụng với đủ mọi hạng trẻ hư hồng của các lớp “cạn bã” nơi vườn hoa, công chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng³.

Năm 16 tuổi, mới học hết bậc tiểu học, Nguyễn Hồng đã phải thôi học, cùng mẹ ra Hải Phòng kiếm sống. Những

tưởng ở cái thành phố kỹ nghệ lớn vào bậc nhất nước ta hồi ấy, mẹ con ông sẽ kiếm được việc làm. Nhưng sự thật lại quá phũ phàng, cay đắng. Nguyễn Hồng đã đi xin việc nhiều nơi, mà trước sau vẫn là kẻ thất nghiệp⁴.

Dừng lại ở xóm Cẩm, Hải Phòng, Nguyễn Hồng sống bằng nghề dạy học tư cho con em của những người lao động nghèo. Trong những ngày lang thang đi kiếm việc làm và dạy học lén lút ở xóm Cẩm, Nguyễn Hồng đã sống với những người thành thị cùng khổ nhất: thợ thuyền, phu phen, người buôn thúng bán bưng và cả những mẹ Tây, gái điếm, du côn, trộm cắp. Chính những con người thuộc thế giới những người cùng khổ ấy đã hà hơi tiếp sức cho Nguyễn Hồng, khiến ông không những không bị gục ngã mà còn tha thiết tin yêu, gắn bó với cuộc sống của họ. Ông đã thấy ở cuộc sống này những cảnh tối tăm thê thảm của xã hội thuộc địa. Quan trọng hơn, ông còn thấy được ở đây một cái gì đó có thể gọi là tinh túy của linh hồn dân tộc, của đạo lý nhân dân: “*Tôi thấy chỉ trong đây mới thật sự có sự tươi sáng, sự lành mạnh, niềm vui tin. Tôi thấy tất cả những ai khao khát những cái gì là ngay thẳng, là công bằng, là nhân phẩm, là hạnh phúc, là sáng tạo thì phải đi vào đây, gắn bó với đây, ở đây mà lao động và đòi hỏi những cái đó với tận cùng lòng trung thành và ý chí quyết liệt của mình*” [5, tr.14]. Đó là lòng yêu nước, đức tính cần cù lao động, tinh thần lạc quan yêu đời, sự thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong tình làng nghĩa xóm, thái độ căm ghét áp

bức, bóc lột, ý chí kiên cường bất khuất trước kẻ thù.

Đúng như điều ông tâm niệm, cuộc sống ấy đã đem lại cảm hứng, khơi nguồn sáng tạo cho ông buổi đầu cầm bút và trở thành một vùng đề tài ám ảnh ngòi bút Nguyễn Hồng trong suốt 46 năm lao động miệt mài. Có thể nói, đối với nhà văn Nguyễn Hồng, vốn sống, sự hiểu biết phong phú cũng như tình cảm gắn bó sâu nặng là thuộc về những người lao động cùng khổ ở thành phố Hải Phòng. Bởi lẽ, ông đã sống cuộc sống của chính họ. Và ông đã vì họ, vì cả chính mình mà cất lên tiếng nói yêu thương tha thiết.

3.2. Tư tưởng bác ái của Thiên Chúa giáo

Tôn giáo đích thực bao giờ cũng hướng con người đến cõi thiện. Xét về phương diện lịch sử, Thiên Chúa giáo cũng như Phật giáo là những hệ tư tưởng ngoại lai, nhưng khi vào Việt Nam, được nhân dân ta tiếp nhận trên cơ sở truyền thống và bản lĩnh dân tộc nên đã có sự thay đổi nhất định. Đó là quá trình tiếp biến để bồi đắp và làm phong phú thêm truyền thống yêu nước, nhân đạo của dân tộc và con người Việt Nam.

Không bàn đến những yếu tố tiêu cực và các vấn đề khác, ta thấy Thiên Chúa giáo đặc biệt coi trọng vấn đề nhân đạo, coi trọng sự đối thoại giữa những người bất đồng với nhau về tín ngưỡng, tông phái và hình thái ý thức, mong muốn hiểu biết lẫn nhau trên tinh thần yêu thương. Hình tượng Chúa Giê-su chịu nạn đóng đinh thân mình lên cây thánh giá để chuộc tội cho loài người là

một biểu tượng vĩ đại và cảm động của tinh thần bác ái Thiên Chúa giáo. Xét về mặt giá trị luận, Thiên Chúa giáo cũng như Phật giáo, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên hay chủ nghĩa Mác đều có chung một mục đích là làm cho con người được tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Trước Chúa, mọi người đều có khả năng hoàn thiện nhờ sự nâng đỡ của Chúa và sự tu dưỡng tinh thần của chính mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà Mác-xít thấm nhuần sâu sắc bản chất nhân đạo và khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, người cộng sản Việt Nam số một, cũng từng kế thừa và học tập các yếu tố nhân văn chủ nghĩa trong các hệ tư tưởng trước chủ nghĩa Mác, trong đó có Thiên Chúa giáo⁵.

Nguyễn Hồng sinh trưởng trong một gia đình theo đạo Thiên Chúa ở Nam Định. Người dân quê ông rất mộ đạo. Gia đình nhà văn cũng vậy. Bà nội ông là người sùng đạo đến mê muội. Ngoài Chúa, bà không biết bầu víu vào đâu về mặt tinh thần. Tuổi thơ Nguyễn Hồng sống trong không khí thành kính Chúa toát ra từ những tiếng lao thảo cầu kinh ở nhà của bà nội cũng như tiếng chuông nhà thờ ngân nga mời gọi con chiên hàng ngày. Từ nhỏ, Nguyễn Hồng thường theo bà nội đi lễ nhà thờ, được dạy dỗ khuôn theo giáo lý của Thiên Chúa⁶.

Mẹ ông, người đàn bà tần tảo, sống không có hạnh phúc bên một người chồng già nghiện ngập, đã phải lấy đức tin Thiên Chúa giáo làm chỗ dựa tinh thần để vật lộn với đời vì miếng cơm, manh áo. Chắc hẳn, Nguyễn Hồng đã tiếp

nhận tư tưởng bác ái Thiên Chúa giáo từ hai người đàn bà này một cách hồn nhiên. Mặt khác, bản thân Nguyên Hồng đã trải qua những ngày thơ ấu đói khát, quần rách, tương lai, tiền đồ không có gì sáng sủa. Trong hoàn cảnh như thế, muốn vượt lên số phận, trong chừng mực nhất định, nhà văn cũng đã tìm đến tư tưởng bác ái của Thiên Chúa giáo và lấy nó làm chỗ dựa để chống chọi với đời, để tồn tại và hy vọng. Dĩ nhiên, việc tiếp nhận những ảnh hưởng của tư tưởng bác ái Thiên Chúa giáo ở Nguyên Hồng có quá trình lịch sử và có mức độ đậm, nhạt khác nhau trên từng chặng đường sáng tác. Thời kỳ đầu, sáng tác của Nguyên Hồng có ảnh hưởng của tinh thần bác ái Thiên Chúa giáo trên phương diện nội dung tư tưởng, tình cảm lẫn hình thức biểu hiện. Từ khi tiếp nhận được ánh sáng của lý tưởng Cách mạng, sáng tác của ông chỉ còn dấu vết ảnh hưởng của đạo Thiên Chúa ở hình thức biểu hiện các trạng thái tâm lý nhân vật mà thôi. Mặt khác, có lẽ Nguyên Hồng không hiểu nhiều lắm về những triết lý sâu xa của đạo Thiên Chúa nên sự ảnh hưởng của nó đối với nhà văn rất hồn nhiên và phù hợp với cuộc sống cũng như cá tính của ông. Đó là cái ý nghĩa nhân văn đích thực của Thiên Chúa giáo phù hợp với đạo lý của người lao động mà Nguyên Hồng đã tiếp thu được qua trường học cuộc đời.

3.3. Tư tưởng nhân đạo Cộng sản chủ nghĩa

Tư tưởng nhân đạo Cộng sản chủ nghĩa đã được Mác đúc kết trong luận điểm: sự phát triển tự do của mỗi người

là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người. Tiếp thu luận điểm của Mác, Hồ Chí Minh đã phát biểu lý tưởng nhân đạo của mình bằng một cách thật giản dị: “*Cả đời tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*” [11, tr.100]. Như vậy, lý tưởng Cộng sản coi nhiệm vụ giải phóng con người, chăm sóc con người và phát triển con người là mục tiêu số một trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản.

Trong số các nhà văn hiện thực ở nước ta, Nguyên Hồng là người sớm tiếp thu được ánh sáng của lý tưởng Cộng sản trong thời kỳ Mặt trận dân chủ. Ông đã được tắm mình trong không khí sôi động của phong trào dân chủ rộng lớn ở thành phố Hải Phòng từ những năm 1937, 1938. Ông đã được tiếp xúc với những chính trị phạm từ Côn Đảo và Sơn La trở về và được đọc các sách báo cách mạng như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Các Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh và Văn Đình, *Ngục Kon Tum* của Lê Văn Hiến. Trong thời gian bị cầm tù từ 1939 đến 1940 tại Hải Phòng, Nguyên Hồng lại được gần gũi với đồng chí Tô Hiệu và các chiến sĩ cách mạng, được tham dự lớp huấn luyện *Đề cương cách mạng tư sản dân quyền* do đồng chí Tô Hiệu hướng dẫn. Nguyên Hồng dần dần giác ngộ và tham gia công tác cách mạng. Vốn có sẵn trong mình những tố chất mang tính cách mạng, giờ đây, Nguyên Hồng đón nhận ánh sáng

của lý tưởng Cộng sản một cách tự nhiên, tất yếu như cỏ cây hướng về ánh sáng. Lý tưởng Cộng sản đã bồi đắp cho ông quan điểm giai cấp khi nhìn nhận các vấn đề của cuộc sống và con người. Vì thế, tình thương của ông hướng đến đối tượng cụ thể hơn, có nội dung sâu sắc hơn và thấm nhuần tinh thần nhân đạo cách mạng. Niềm tin của ông đối với những người lao động cùng khổ vốn đã bám rễ rất sâu trong đời sống cần lao, giờ đây được bồi đắp và nâng cao hơn nhờ có nhận thức khoa học cách mạng. Ta hiểu vì sao trong những sáng tác của Nguyên Hồng từ khi được tiếp xúc với ánh sáng của lý tưởng Cộng sản, khoảng từ năm 1938 trở đi, đã vắng bóng những nhân vật lưu manh, còn hình ảnh những người lao động cùng khổ hướng về Cách mạng, cũng như hình tượng những người trí thức văn nghệ sĩ say sưa trình bày những quan điểm nghệ thuật tiến bộ lại trở thành những nhân vật trung tâm. Mặt khác, trong nội dung tư tưởng của tác phẩm Nguyên Hồng, bên cạnh tiếng nói yêu thương thống thiết những kiếp người cùng khổ còn có tiếng nói căm hờn đối với những kẻ gây khổ đau cho con người và cổ vũ những người cùng khổ đứng lên đấu tranh dưới lá cờ của Đảng. Đó là hai mặt thống nhất của tư tưởng nhân đạo Cộng sản chủ nghĩa mà Nguyên Hồng đã tiếp thu được trong quá trình giác ngộ và đi theo Cách mạng.

3.4. Cá tính nghệ sĩ của Nguyên Hồng

Trên đây là những yếu tố cơ sở góp phần hình thành cảm hứng thương cảm xuyên suốt hành trình nghệ thuật của Nguyên Hồng từ buổi đầu cầm bút cho

đến khi vĩnh biệt cõi đời. Những yếu tố đó chỉ có thể được tiếp nhận và nhào luyện thông qua cá tính nghệ sĩ của nhà văn để rồi hiện hình thành những tác phẩm văn chương với nét chủ đạo xuyên suốt là tình thương và niềm tin đối với những con người cùng khổ.

Tuổi thơ thiếu tình thương, nhiều cay đắng tủi cực, lớn lên kiếm sống gian nan vất vả giữa thế giới của những người cùng khổ, nhà văn đã sớm hình thành cá tính. Nguyên Hồng là người rất nhạy cảm, dễ xúc động. Ông cảm thông, chia sẻ những nỗi khổ đau, oan trái với những con người cùng khổ, bất hạnh trong gia đình và cả ngoài xã hội. Ông bất bình trước những thái độ, hành vi vô nhân đạo, rẻ rúng con người. Nguyên Hồng đã có lần cầm dao đâm chú dượng chỉ vì ông này đã đánh đập vợ tàn nhẫn, mà không nghĩ đến hậu quả sau đó ông phải đi tù khi đang còn ở tuổi vị thành niên. Trong *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng đã có thái độ đồng cảm, chia sẻ với nỗi khát khao hạnh phúc của người mẹ trẻ mỗi khi bà rạo rức con tim đợi chờ, lắng nghe tiếng kèn của Cai H. Ông cũng thật sự bất bình, phẫn nộ trước thái độ khinh rẻ và hành vi ngăn cản tình mẫu tử của họ hàng bên nội đối với mẹ mình khi bà đi bước nữa theo tiếng gọi của con tim, chứ không chịu ở góa thờ chồng theo quan điểm đạo đức phong kiến. Trong cuộc sống đời thường, nhiều người được tiếp xúc với nhà văn đều khẳng định rằng Nguyên Hồng rất dễ khóc⁷, bởi trái tim ông đặc biệt nhạy cảm với buồn vui, sướng khổ của con người.

Đặc điểm cá tính này của Nguyên Hồng giống như một thứ nam châm riêng. *Nó chỉ hút những cái gì phù hợp với cái tạng của nhà văn.* Chẳng hạn như vấn đề tiếp thu ảnh hưởng văn hóa, văn học của dân tộc và thế giới. Dường như Nguyên Hồng chỉ ham thích và chịu sức hút tự nhiên của những tác phẩm, những sự kiện thể hiện sâu sắc tinh thần nhân đạo đối với con người. Nguyên Hồng là người ham mê văn chương một cách kỳ lạ. Hồi nhỏ, ông “*thường phải đọc truyện*” cho bà nội và cha mình nghe [7, tr.3]. Nhờ thế mà ông đã nhập tâm được cả một khối lượng lớn những tiểu thuyết Tàu cổ như *Phong Thần, Đông Chu liệt quốc, Thuyết Đường, Chinh Đông chinh Tây, Tây du ký, Tam quốc, Thủy hử*... Ông cũng đã đọc *Sử ký địa dư giáo khoa thư*. Con người Việt Nam và Tổ quốc Việt Nam trong sử sách đã nhập hồn vào tuổi thơ của ông với “*những Phù Đổng thiên vương, An Tiêm, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Toản, Dã Tượng, Yết Kiêu, Lê Lợi, Lê Lai, Quang Trung Nguyễn Huệ*... và bao nhiêu cảnh non sông càng thăm thẳm, vời vợi và ngời ngời kỳ diệu với bốn tiếng *Tổ quốc và Việt Nam*” [7, tr.51]. Ông nhập tâm tiếng hát của những đào kép đầu đường. Ông cũng đọc và thuộc lòng nhiều câu ca dao, nhiều bài thơ, từ những câu ca dao về cảnh con cò đi ăn đêm, cảnh bông sen “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”, cảnh linh thú đời xưa... đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Bà Huyện Thanh Quan, thơ Tú Xương, Nguyễn Khuyến,

trong những ngày còn được ngồi trên ghế nhà trường. Ông đọc cả tiểu thuyết và thơ của các tác giả nổi tiếng phương Tây du nhập vào nước ta thời thuộc địa, đặc biệt là của Pháp. Theo hồi ký, ông đã đọc *Không gia đình* của Héc-to Ma-lô, *Đa-vít Cô-pơ-phin* của Đích-ken-xơ, *Những người khốn khổ* của Vich-to Huy-gô, những truyện ngắn của An-phông-xơ Đô-đê và thơ của An-phơ-rết đơ Vi-nhi, An-phơ-rết đơ Muýt-xê. Khi được tiếp xúc với ánh sáng của lý tưởng Cách mạng, Nguyên Hồng đã tìm đọc *Thời thơ ấu, Những kẻ lang thang, Người mẹ* của M.Go-rơ-ki và đọc cả Rô-manh Rô-lăng, Hăng-ri Béc-buýt. Là con người của lịch sử, của thời đại, tất nhiên Nguyên Hồng cũng đọc cả tiểu thuyết Tự lực văn đoàn và Thơ Mới đang thịnh hành thời bấy giờ. Ngoài ra, Nguyên Hồng còn được bà nội – “*một tú chuyện*” – kể cho nghe những câu chuyện mà ông thấy “*còn sinh động hơn cả những tiểu thuyết thành tập, thành pho*”. Từ những truyện kể của bà, ông đã nhập tâm được “*những gương mặt vàng vạc rực rỡ của Chung thủy, Nhân hậu, Công bằng, Chính nghĩa, Chiến đấu, Chiến thắng và Hạnh phúc*” của những cô Tấm, Nhị Khanh, Cúc Hoa, Lục Vân Tiên, Thạch Sanh và biết bao hình ảnh, tên tuổi đã thành thơ, thành cổ tích trong lịch sử văn học nước nhà [7, tr.155]. Nguyên Hồng cũng đã từng “*bâng khuâng trước những cỏ hoa chung thủy, những muông thú biết đáp đền ơn nghĩa, những ma quái, gian tà bị trừng phạt, những hồn linh oan khổ, trung hậu sống lại về cõi trần tươi đẹp về vàng*” [7,

tr.11] và thấy ở truyện Tàu cổ “*tình nghĩa thủy chung, nhân hậu, những ý chí quật cường bất khuất, những khí tiết khi cùng khổ gian nguy, sự keo sơn, son sắt trong tình bạn chỉ là ở những trang chữ thôi, nhưng mà sao thấy ngon ngọt, thơm tho, no lòng, ấm dạ*” [7, tr.32]. Phải chăng hoàn cảnh sống khắc nghiệt cũng như cá tính của nhà văn đã định hướng thị hiếu thẩm mỹ của Nguyên Hồng như thế khi ông tiếp xúc với di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại. Điều đó đã tác động đến cảm hứng và tư duy nghệ thuật của nhà văn khiến những điều ông viết ra bao giờ cũng thấm đượm tinh thần nhân đạo chủ

nghĩa, chan chứa tình cảm yêu thương, tin tưởng ở con người, nhất là những con người cùng khổ.

Bốn yếu tố – những trải nghiệm của bản thân trong thế giới những người cùng khổ qua hoàn cảnh gia đình và môi trường sống cụ thể, tư tưởng bác ái Thiên Chúa giáo, tư tưởng nhân đạo Cộng sản chủ nghĩa, và một trái tim đặc biệt giàu xúc cảm – là nguồn gốc của cảm hứng thương cảm của Nguyên Hồng. Cảm hứng ấy đã chi phối ngòi bút Nguyên Hồng trong việc lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện tư tưởng và lựa chọn hình thức biểu hiện phù hợp.

¹ Các nhà nghiên cứu khác cũng có cách hiểu tương tự. Các tác giả bộ sách giáo khoa *Lý luận văn học* cũng xác định “*cảm hứng là một trạng thái tâm lý căng thẳng nhưng say mê khác thường. Sự căng thẳng của ý chí và trí tuệ, sự dồi dào về cảm xúc, khi đã đạt đến sự hài hòa, kết tinh, sẽ cháy bùng trong tư duy nghệ thuật của nhà văn, dẫn dắt họ đến những mục tiêu da diết bằng con đường gần như trực giác, bản năng*” [9, tr.315]. Những người biên soạn *Từ điển thuật ngữ văn học* định nghĩa cảm hứng chủ đạo là “*trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm, xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một sự đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận tác phẩm*” [3, tr.32].

² Nguyên Hồng đã kể lại thành thực mối quan hệ của song thân trong cuốn hồi ký: “*Hai thân tôi lấy nhau không phải vì quen biết nhau lâu mà thương yêu nhau. Chỉ vì hai bên cha mẹ, một bên hiếm hoi muộn cháu và có của, một bên sợ nguy hiểm giữ con gái đến thì ở trong nhà và muốn cho người con ấy có chỗ nương tựa chắc chắn, được cả một dòng họ trọng đãi nếu mất con*”. [7, tr.293]

³ Nhiều dòng nhật ký tuổi thơ của ông “*Trong đêm đông*” (*Những ngày thơ ấu*) đã thể hiện trung thực tình cảnh này:

“*Ngày 14-11-1931 – Phải nhớ cái tát và câu rửa sả này cho đến chết: “Hồng ơi! Bỏ mày nó chết đi nhưng còn có mẹ mày nó dạy mày. Cầm bằng mẹ mày đánh đi theo giai, bỏ mày lêu lổng thì đã có chúng tao.*

Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi không về! Người ta đánh con vì con dám cướp lại đồ chơi mà con người ta dâng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa. Mẹ xa con, mẹ có biết không?”. [7, tr.319]

⁴ Vẫn trong hồi kí, ông viết: “*Tôi ra bến tàu to Sáu kho. Tôi sang nhà máy Xi măng, sở dầu Thượng Lý. Tôi chầu chực ở cổng các nhà máy Cốt phát, Máy tơ, Máy chỉ, Máy ống, các hãng chuyên chở hàng hóa, các bến ô tô, tàu thủy, các kho hàng, các cửa hiệu, các tràn than, lán củi. Tôi đến tất cả xóm ngõ, đầu đường, nơi đi về đông đúc của phu phen thuyền thợ, để nghe ngóng hỏi han*” .[6, tr.16]

⁵ Hồ Chí Minh từng bộc lộ: “*Khổng Tử, Giê-su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy*” [12, tr.278].

⁶ Ông đã kể lại trong “*Một tuổi thơ văn*”: “*Lọt lòng mẹ, tôi đã được ôm đến Nhà thờ chịu phép rửa tội và nhận lấy tên Thánh là Giu minh ghê. Rồi năm tôi lên 9 lên 10, bà nội tôi đã khảo tôi đủ các kinh để đi xưng tội lần đầu với một cha người Tây. Cả đêm ấy tới sáng sau, tôi chỉ được súc miệng chứ không được uống nước, rồi cùng bà tôi đến Nhà thờ đi lễ chịu mình Thánh Chúa lần đầu*” [7, tr.72].

⁷ Đặc điểm này đã được bạn bè ông ghi lại: Nguyên Hồng “khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia buồn sẻ ngọt, khóc khi nghĩ đến đời sống cực khổ của nhân dân mình ngày trước, khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lý tưởng cao đẹp của thời đại. Khóc cả khi kể lại những khổ đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình hư cấu nên” [10, tr.10].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Cự Đệ (1985), “Lời giới thiệu”, *Tuyển tập Nguyên Hồng, tập 1*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. G. N. Pôxpêlôp (chủ biên) (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học* (tái bản), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương (1995), *Lý luận văn học, vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyên Hồng (1963), *Sức sống của ngòi bút*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Nguyên Hồng (1970), *Bước đường viết văn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
7. Nguyên Hồng (1973), *Một tuổi thơ văn*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
8. Nguyên Hồng (2000), *Những tác phẩm tiêu biểu trước 1945*, (Bạch Văn Hợp tuyển chọn, giới thiệu), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà (1986), *Lý luận văn học*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Đăng Mạnh (1988), *Nguyên Hồng - thân thế và sự nghiệp*, Nxb Hải Phòng.
11. Hồ Chí Minh (1984), *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội.
12. Nhiều tác giả (2000), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và văn học Việt Nam*, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
13. Nhiều tác giả (2001), *Nguyên Hồng về tác gia, tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 03-3-2011; ngày chấp nhận đăng: 26-4-2011)